

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2022/HN&GD-ST

Ngày: 31-8-2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Xuân Trường;

2/ Ông Võ Trọng Văn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 331/2022/TLST-HN&GD ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2022/QĐXXST-HN&GD ngày 08 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993;

Nơi cư trú: Chợ đêm Hòa Lâm, tổ 17, khu phố Bình Thuận 2, phường Thuận Giao, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Anh Trần Trí Q, sinh năm 1988;

Nơi cư trú: Số 2, đường số 45, tổ 2, thôn 5, xã Trà Tân, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Chị H và anh Q tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trà Tân, huyện Đức Linh theo giấy chứng nhận kết hôn số 15/2011, quyển số 01/10 ngày 14/03/2011. Trong thời gian chung sống, chị H và anh Q thường xuyên cãi vã, có nhiều bất đồng quan điểm với nhau về mọi mặt của đời sống hôn nhân; cuộc sống không hòa hợp đã dẫn đến hôn nhân của chị H và anh Q lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, dù đã cố gắng hàn gắn vì giữa chị H và anh Q có 02 con chung, tuy nhiên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có sự bình đẳng về nghĩa vụ và quyền giữa vợ chồng, hai bên thiếu tôn

trọng cho nhau phát triển về mọi mặt. Cụ thể, anh Q bỏ bê công việc, dành nhiều thời gian chơi game, không lo làm ăn, không đảm bảo kinh tế gia đình dù hai vợ chồng đã nói chuyện trao đổi với nhau nhiều lần. Hơn nữa, anh Q còn có hành vi bạo lực gia đình với chị H nhiều lần, dùng lời lẽ xúc phạm chị H và thân nhân của chị H. Vì lẽ đó, chị H từng nộp đơn đơn phương ly hôn đối với anh Q tại Tòa án vào tháng 9/2020 nhưng sau khi được Tòa án hòa giải thì chị H đã cho anh Q một cơ hội để hai vợ chồng xây dựng lại cuộc sống gia đình; tuy nhiên, sau đó anh Q đã không thay đổi nên chị H và anh Q đã ly thân từ tháng 12/2021 cho đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài và kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Q.

Về con chung: Chị H và anh Q có với nhau 02 con chung tên Trần Y Mẫn, sinh ngày 23/9/2011 và Trần Nhã Vy, sinh ngày 27/5/2012. Chị H yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày: Anh Q và chị H là vợ chồng, có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trà Tân vào ngày 14/3/2011. Anh Q và chị H chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến khoảng năm 2017 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong quan điểm sống, tài chính gia đình, dẫn đến anh Q và chị H thường xuyên cãi nhau, có những lúc sau khi uống rượu say về thì anh Q có đánh chị H; chị H sau khi bị đánh thì bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống, qua những ngày hôm sau thì chị H trở về nhà chung sống với anh Q một cách bình thường. Do anh Q hay đánh chị H nên chị H thường xuyên bỏ về nhà mẹ ruột. Đỉnh điểm là khoảng cuối năm 2021, anh Q và chị H có cãi nhau, sau đó chị H bỏ về nhà mẹ ruột và không trở về nữa, từ đó anh Q và chị H không còn chung sống như vợ chồng. Hiện nay chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn thì anh Q đồng ý, vì quá trình xa cách giữa hai vợ chồng đã không còn tình cảm, anh Q cũng không muốn chung sống cùng chị H nên đề nghị Tòa án cho anh Q và chị H được ly hôn.

Về con chung: Anh Q và chị H có với nhau 02 con chung tên Trần Y Mẫn, sinh ngày 23/9/2011 và Trần Nhã Vy, sinh ngày 27/5/2012. Anh Q yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 1.500.000 đồng/ con/ tháng.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Trần Trí Q.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung tên Trần Y Mẫn, sinh ngày 23/09/2011 và cháu Trần Nhã Vy, sinh ngày 27/5/2013.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận ý kiến tự nguyện của chị Nguyễn Thị H về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Ghi nhận ý kiến của chị Nguyễn Thị H và anh Trần Trí Q về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản, nợ chung trong vụ án này.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Trần Trí Q phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Nguyễn Thị H khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn Trần Trí Q; anh Q có nơi cư trú tại thôn 5, xã Trà Tân, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tố tụng: Bị đơn đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 11/7/2022.

Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[3.1] Về hôn nhân: Căn cứ bản chính giấy chứng nhận kết hôn số 15/2011, quyền số 01/10, đăng ký ngày 14/3/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Trà Tân, huyện Đức Linh thì có căn cứ khẳng định chị H và anh Q tự nguyện kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trà Tân, huyện Đức Linh. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Q được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Chị H và anh Q tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân; sau khi tổ chức lễ cưới thì anh chị sống chung với nhau như vợ chồng không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo lời khai của chị H và anh Q là do anh chị không hợp nhau về tính tình, mâu thuẫn về mặt tài chính gia đình và anh Q có hành vi bạo lực gia đình đối với chị H; hiện tại chị H và anh Q không còn quan hệ như vợ chồng, hai bên đã ly thân, thời gian ly thân hai bên

không có thiện chí hàn gắn lại quan hệ tình cảm, qua hòa giải và tại phiên tòa chị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết ly hôn anh Q và anh Q cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Từ những phân tích trên cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Q đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh Q.

[3.2] Về con chung: Căn cứ bản sao giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân xã Trà Tân cấp ngày 06/10/2011 và 05/6/2013 thì có căn cứ khẳng định cháu Trần Y Mẫn, sinh ngày 23/09/2011 và cháu Trần Nhã Vy, sinh ngày 27/5/2013 là con chung của chị H và anh Q.

Sau khi ly hôn, chị H và anh Q đều có yêu cầu được quyền nuôi con. Nhận thấy, tại thời điểm giải quyết ly hôn thì cháu Mẫn và cháu Vy trên 7 tuổi và ý kiến của hai cháu đều thể hiện nguyện vọng sống với chị H sau khi chị H và anh Q ly hôn (thể hiện trong biên bản tự lấy lời khai lập ngày 21/7/2022).

Về điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con: Quá trình giải quyết vụ án, anh Q không cung cấp được chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con theo quy định của pháp luật; chị H cung cấp được chứng cứ là sao kê tài khoản thu nhập; Hội đồng xét xử nhận thấy chị H có công việc và thu nhập ổn định, cháu Mẫn và cháu Vy đều là cháu gái đang các cháu đang trong giai đoạn phát triển về tâm sinh lý, do đó rất cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ. Mặt khác, cháu Mẫn và cháu Vy từ khi sinh ra cho đến nay đã lớn lên bên nhau cùng gắn bó, yêu thương nhau, sau khi chị H và anh Q ly thân, ly hôn thì hai cháu đã bị tổn thương về mặt tình cảm gia đình, các cháu sống với mẹ thì thiếu đi tình thương, sự quan tâm trực tiếp của cha; do đó, nếu chia tách hai cháu sẽ làm hụt hẫng, ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lý về sau của hai cháu, đồng thời ảnh hưởng đến tình cảm chị em của hai cháu.

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định giao cho chị H quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai cháu Mẫn và cháu Vy là phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81; khoản 2, khoản 3 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cũng như lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tại phiên tòa.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con:

Tại phiên tòa, chị H yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 1.500.000đồng/tháng, cấp dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “2. *Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”.

Tại Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha, mẹ đối với con như sau:

“*Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường*

hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vì phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con”.

Tại biên bản lấy lời khai vào ngày 21/7/2022, anh Q khẳng định anh có sức khỏe, có khả năng lao động và anh có công việc, thu nhập tương đối ổn định; do đó, việc chị H yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với điều luật đã được viện dẫn. Căn cứ vào nhu cầu thiết yếu của con chung và khả năng thu nhập thực tế của anh Q, để bảo đảm quyền lợi mọi mặt cho con, chị H yêu cầu anh Q phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung, với mức cấp dưỡng là 1.500.000đ/tháng, cấp dưỡng kể từ tháng 9/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi, là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Về tài sản chung và nợ: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của chị H và anh Q về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản và nợ trong vụ án này.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Trần Trí Q phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 143, 144, 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 116, 117 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Trần Trí Q.

Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2011, quyền số 01/10, đăng ký ngày 14/3/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Trà Tân, huyện Đức Linh giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Trí Q hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung tên Trần Y Mẫn, sinh ngày 23/09/2011 và cháu Trần Nhã Vy, sinh ngày 27/5/2013.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Trí Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với số tiền 1.500.000đồng/con/tháng (hai con là 3.000.000/tháng), cấp dưỡng kể từ tháng 9/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng, chị Nguyễn Thị H có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án ngay. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Ghi nhận ý kiến của chị Nguyễn Thị H và anh Trần Trí Q về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản, nợ chung trong vụ án này.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu số 0012313 ngày 04/7/2022. **Chị H** đã nộp đủ tiền án phí.

Buộc anh Trần Trí Q phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Án phí nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/8/2022). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã Trà Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận